

KHẢO SÁT THỰC TRẠNG KỸ NĂNG THỰC HÀNH CỦA NGƯỜI BÁN THUỐC ĐỐI VỚI BỆNH TIÊU CHẢY CẤP Ở TRẺ EM TẠI CÁC CƠ SỞ BÁN LẺ THUỐC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2021

Nguyễn Phục Hưng, Mai Văn Hậu, Trần Minh An,
Ngô Huỳnh Thúy Duy, Phạm Chí Đại
Trường Đại học Y Dược Cần Thơ
Email: haumaivan123@gmail.com

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Tiêu chảy cấp là bệnh lý thường gặp ở trẻ em, nếu không điều trị đúng cách có thể dẫn đến tình trạng mất nước và có nguy cơ tử vong cao. Tiêu chảy là một trong năm bệnh truyền nhiễm có tỷ suất mắc cao nhất ở Cần Thơ. Việc khảo sát thực trạng kỹ năng thực hành của người bán thuốc (NBT) giúp cơ quan quản lý có các biện pháp chặt chẽ hơn trong quản lý và nâng cao chất lượng thực hành của họ. **Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát tỷ lệ thực hiện một số kỹ năng khai thác thông tin, tư vấn, hướng dẫn cách sử dụng thuốc của NBT đối với bệnh tiêu chảy cấp ở trẻ em tại các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2021. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang thực trạng kỹ năng thực hành của 108 NBT trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2021 bằng phương pháp đóng vai khách hàng. **Kết quả:** Về kỹ năng khai thác thông tin, đa số NBT hỏi về tuổi (96,3%), cân nặng (44,4%), thời điểm bị tiêu chảy (36,1%), tần suất bị tiêu chảy (48,1%). Trong kỹ năng tư vấn, có 53,7% NBT tư vấn bù nước và điện giải cho trẻ. Tỷ lệ NBT hướng dẫn liều dùng/lần, số lần dùng/ngày, số ngày dùng thuốc, thời điểm dùng thuốc lần lượt là 79,6%, 44,4%, 70,4%, 43,5%. Các nội dung còn lại ở mỗi kỹ năng được thực hiện với tỷ lệ rất thấp. NBT nữ có tổng điểm cả 3 kỹ năng cao hơn so với

nam. **Kết luận:** NBT chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các tài liệu chuyên môn trong việc thực hiện kỹ năng khai thác thông tin, tư vấn và hướng dẫn.

Từ khóa: người bán thuốc, kỹ năng thực hành, tiêu chảy cấp trẻ em.

ABSTRACT

PROFESSIONAL PERFORMANCES OF PHARMACY STAFF ON ACUTE CHILDHOOD DIARRHEA AT COMMUNITY DRUG OUTLETS IN CAN THO CITY IN 2021

Nguyen Phuc Hung, Mai Van Hau, Tran Minh An,
Ngo Huynh Thuy Duy, Pham Chi Dai
Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Acute diarrhea is a prevalent childhood illness that can cause severe dehydration and pose a significant mortality risk if not managed properly. It is also among the top 5 infectious diseases with the highest incidence in Can Tho city. Since community pharmacies are frequently the first point of entry to the national healthcare system, insightful investigations and findings on the current situations of actual practices of pharmacy personnel assist regulatory authorities in implementing more stringent and rational policies to improve medication distributors' skills. **Objectives:** To quantify the proportions of drug outlet retailers performing professional skills, namely, inquiring about information, consulting, and providing guidelines for customers for acute diarrhea in Can Tho city in 2021. **Sample and methods:** A cross-sectional descriptive research at 108 drugstores in 9 districts in Can Tho was conducted in the year 2021 utilizing the technique of simulated patients. **Results:** Age (96.3%), weight (44.4%), frequency of passing stools (48.1%), and the time incurring symptoms of diarrhea (36.1%) are the most commonly asked information by the drug sellers, respectively. Regarding therapeutic recommendations, roughly half (53.7%) of the surveyed ones advise ensuring adequate fluids and electrolytes intake. Meanwhile, we registered the respective proportions of pharmacy staff with instructions on dosage, times per day, days of the entire therapy, and when to take medicines in a single day are 79.6%, 44.4%, 70.4%, and 43.5%. By contrast, the remaining information was done at a surprisingly low rate, which is by far under expectations. Female pharmacy staff had a higher total score for professional performance when compared to their male counterparts. **Conclusions:** Similar to the majority of regions in Vietnam, community pharmacists in Can Tho city have not yet met the average standards imposed by managerial agencies.

Keywords: pharmacy staff, professional performances, acute childhood diarrhea.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hàng năm, bệnh tiêu chảy gây ra khoảng 4 tỷ ca cấp tính và 1,6 triệu ca tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi trên toàn thế giới [8]. Tại Việt Nam, hàng năm có khoảng 500.000 đến 900.000 ca tiêu chảy được báo cáo [8]. Ở giai đoạn 2014-2018, tiêu chảy là một trong năm bệnh truyền nhiễm có tỷ suất mắc cao nhất ở thành phố Cần Thơ [2]. Tiêu chảy cấp là một bệnh lý thường gặp ở đối tượng trẻ em, nếu không được điều trị và chăm sóc đúng cách có thể dẫn đến tình trạng mất nước, điện giải và nguy cơ tử vong rất cao [8]. Người bán thuốc tại các cơ sở bán lẻ thuốc là những chuyên gia y tế có vai trò quan trọng vì đây là nơi người dân thường tìm đến khi có các vấn đề sức khỏe không nghiêm trọng. Trong xử trí bệnh tiêu chảy cấp ở trẻ em, những hạn chế trong kỹ năng thực hành của người bán thuốc được thể hiện rõ qua các nghiên cứu trong và ngoài nước [1],[5]. Điều này đòi hỏi các biện pháp quản lý chặt chẽ hơn và những giải pháp nâng cao chất lượng thực hành nghề nghiệp của người bán thuốc. Các nghiên cứu trước đây trên địa bàn thành phố Cần Thơ vẫn chưa đánh giá một cách toàn diện về kỹ năng thực hành của người bán thuốc tại các

cơ sở bán lẻ thuốc trong xử trí bệnh tiêu chảy cấp ở trẻ em. Xuất phát từ thực tế trên, chúng tôi tiến hành đề tài với mục tiêu: Khảo sát tỷ lệ thực hiện một số kỹ năng khai thác thông tin, tư vấn, hướng dẫn cách sử dụng thuốc của NBT đối với bệnh tiêu chảy cấp ở trẻ em tại các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2021.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Người bán thuốc (NBT) tại các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2021. Các số liệu được thu thập trong khoảng thời gian từ tháng 05/2021 đến tháng 12/2021.

Tiêu chuẩn chọn mẫu:

NBT làm việc tại các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Tiêu chuẩn loại trừ:

NBT làm việc tại các cơ sở bán lẻ thuốc trong phạm vi bệnh viện, trạm y tế, phòng khám, cơ sở bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang. Số liệu được thu thập bằng phương pháp đóng vai khách hàng, điều tra viên trong vai cậu/dì của cháu bé 3 tuổi đến nhà thuốc/quầy thuốc và nói với NBT: “Em đến mua thuốc cho cháu bị tiêu chảy”. Điều tra viên chỉ cung cấp thông tin theo hướng dẫn trong kịch bản và chấp nhận mọi đề xuất về lựa chọn thuốc và số lượng thuốc mà NBT đưa ra. Điều tra viên sẽ chủ động cung cấp các thông tin sau đây nếu NBT không hỏi: trẻ 3 tuổi; nặng 14 kg; tiêu chảy từ sáng nay; đi ngoài khoảng 4-5 lần; không có triệu chứng sốt; trẻ có dấu hiệu khát nước.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:

Chọn mẫu phân tầng 108 NBT tại 108 nhà thuốc/quầy thuốc chia đều cho 9 quận/huyện (quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy, quận Cái Răng, quận Ô Môn, quận Thốt Nốt, huyện Thới Lai, huyện Cờ Đỏ, huyện Phong Điền, huyện Vĩnh Thạnh) trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Ở mỗi quận/huyện, tiến hành chọn mẫu thuận tiện cho đến khi thu thập đủ số liệu từ 12 NBT (108/9).

Nội dung nghiên cứu:

Đặc điểm của NBT: tuổi, giới tính.

Khảo sát thực trạng kỹ năng thực hành của NBT đối với bệnh tiêu chảy cấp ở trẻ em: kỹ năng khai thác thông tin, kỹ năng tư vấn, kỹ năng hướng dẫn cách sử dụng thuốc.

Mối liên quan giữa tổng điểm các kỹ năng thực hành với một số đặc điểm của người bán thuốc. Với mỗi nội dung kỹ năng nghiên cứu đặt ra mà NBT chủ động thực hiện thì điểm số sẽ được cộng dồn thêm 1 điểm vào mốc điểm ban đầu là 0. Như vậy, điểm số tối đa có thể đạt được là 29 điểm cho cả ba kỹ năng (bao gồm 16 nội dung cho kỹ năng khai thác thông tin, 8 nội dung cho kỹ năng tư vấn và 5 nội dung cho kỹ năng hướng dẫn).

Thống kê và xử lý số liệu:

Microsoft Excel 2016, SPSS version 26.0 và các phép toán thống kê.

III. KẾT QUẢ

- Một số đặc điểm của người bán thuốc

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 53/2022

Bảng 1. Một số đặc điểm của người bán thuốc

Đặc điểm (n=108)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính		
Nam	30	27,8
Nữ	78	72,2
Nhóm tuổi dự đoán		
20-29 tuổi	32	29,6
30-39 tuổi	42	38,9
≥40 tuổi	34	31,5

Nhận xét: đa số NBT là nữ (72,2%); nhóm tuổi 20-29, 30-39 và ≥40 chiếm tỷ lệ lần lượt là 29,6%, 38,9% và 31,5%.

- Tỷ lệ người bán thuốc thực hiện kỹ năng khai thác thông tin

Bảng 2. Tỷ lệ người bán thuốc khai thác thông tin về đối tượng dùng thuốc

Nội dung khai thác (n=108)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Độ tuổi		
Có	104	96,3
Cân nặng		
Có	48	44,4

Nhận xét: có 96,3% NBT khai thác thông tin về độ tuổi của trẻ, chỉ có 44,4% NBT hỏi về cân nặng của trẻ.

Bảng 3. Tỷ lệ người bán thuốc khai thác thông tin về bệnh và triệu chứng bệnh

Nội dung khai thác (n=108)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Thời điểm bị tiêu chảy		
Có	39	36,1
Tần suất bị tiêu chảy		
Có	52	48,1
Tổng trạng		
Có	2	1,9
Tính chất phân		
Có	7	6,5
Triệu chứng sốt		
Có	26	24,1
Triệu chứng đau bụng		
Có	11	10,2
Tình trạng nôn ói		
Có	4	3,7
Dấu hiệu mất nước		
Có	0	0,0

Nhận xét: tỷ lệ NBT khai thác về thời điểm và tần suất tiêu chảy là 36,1% và 48,1%; các triệu chứng bệnh gồm tổng trạng (1,9%), tính chất phân (6,5%), triệu chứng sốt (24,1%), triệu chứng đau bụng (10,2%), tình trạng nôn ói (3,7%) và dấu hiệu mất nước là 0%.

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 53/2022

Bảng 4. Tỷ lệ người bán thuốc khai thác thông tin về tiền sử của bệnh nhân

Nội dung khai thác (n=108)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Các thuốc đã dùng		
Có	1	0,9
Tiền sử dị ứng thuốc		
Có	0	0,0
Bệnh mắc kèm		
Có	3	2,8
Chế độ dinh dưỡng trước khi bị tiêu chảy		
Có	2	1,9
Chế độ dinh dưỡng trong khi bị tiêu chảy		
Có	0	0,0
Vắc xin đã tiêm		
Có	0	0,0

Nhận xét: các thuốc đã dùng và bệnh mắc kèm được NBT khai thác với tỷ lệ lần lượt là 0,9% và 2,8%; không có NBT nào khai thác thông tin về tiền sử dị ứng thuốc và vắc xin đã tiêm; có 1,9% và 0% NBT khai thác thông tin về chế độ dinh dưỡng trước và trong khi bị tiêu chảy

- Tỷ lệ người bán thuốc thực hiện kỹ năng tư vấn

Bảng 5. Tỷ lệ người bán thuốc tư vấn về thuốc

Nội dung tư vấn (n=108)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Lựa chọn thuốc		
Có	9	8,3
Dạng bào chế phù hợp cho trẻ		
Có	5	4,6
Tác dụng phụ của thuốc		
Có	0	0,0
Tương tác thuốc		
Có	0	0,0

Nhận xét: tỷ lệ NBT tư vấn lựa chọn thuốc là 8,3%; 4,6% NBT có tư vấn lựa chọn dạng bào chế phù hợp cho trẻ, không có NBT nào tư vấn về tác dụng phụ của thuốc và tương tác thuốc.

Bảng 6. Tỷ lệ người bán thuốc tư vấn về các vấn đề liên quan đến bệnh

Nội dung tư vấn (n=108)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Bù nước và điện giải		
Có	58	53,7
Lưu ý các trường hợp cần đưa trẻ đến bác sĩ để thăm khám		
Có	1	0,9
Chế độ dinh dưỡng		
Có	6	5,6
Các biện pháp phòng bệnh tiêu chảy		
Có	0	0,0

Nhận xét: hơn 1/2 số NBT (53,7%) có tư vấn bù nước và điện giải cho trẻ; chỉ 0,9% NBT tư vấn các trường hợp lưu ý cần đưa trẻ đến bác sĩ để thăm khám; tỷ lệ tư vấn về chế độ dinh dưỡng là 5,6% và biện pháp phòng bệnh tiêu chảy là 0%.

- Tỷ lệ người bán thuốc hướng dẫn cách sử dụng thuốc

Bảng 7. Tỷ lệ người bán thuốc hướng dẫn cách sử dụng thuốc

Nội dung hướng dẫn (n=108)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Liều dùng/lần		
Có	86	79,6
Số lần dùng/ngày		
Có	48	44,4
Số ngày dùng thuốc		
Có	76	70,4
Thời điểm dùng thuốc (trong ngày hay so với bữa ăn)		
Có	47	43,5
Kiểm tra sự ghi nhớ của người mua thuốc		
Có	1	0,9

Nhận xét: đa số NBT hướng dẫn liều dùng thuốc/lần (79,6%); chỉ có 44,4% NBT hướng dẫn số lần dùng/ngày; tỷ lệ hướng dẫn số ngày dùng thuốc là 70,4%; hướng dẫn thời điểm dùng thuốc và kiểm tra sự ghi nhớ của người mua được thực hiện với tỷ lệ 43,5% và 0,9%.

- Mọi liên quan giữa tổng điểm các kỹ năng thực hành với một số đặc điểm dự đoán của người bán thuốc

Bảng 8. Mọi liên quan giữa tổng điểm các kỹ năng thực hành với một số đặc điểm của người bán thuốc

Đặc điểm	n	Xếp hạng trung bình	p
Giới tính			
Nam	30	44,47	0,037 ^a
Nữ	78	58,36	
Nhóm tuổi dự đoán			
20-29 tuổi	32	60,69	0,358 ^b
30-39 tuổi	42	50,31	
≥40 tuổi	34	53,85	

^a Mann-Whitney U Test, ^b Kruskal-Wallis Test

Nhận xét: tổng điểm các kỹ năng của NBT có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nam và nữ ($p < 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

Về một số đặc điểm dự đoán của NBT, tỷ lệ giới tính có sự chênh lệch rõ rệt giữa nam và nữ, cụ thể nữ chiếm tỷ lệ 72,2% trong khi nam chỉ chiếm 27,8%. Trong ba nhóm tuổi dự đoán, nhóm tuổi 30-39 chiếm tỷ lệ cao nhất với 38,9%, tiếp đến là nhóm tuổi từ 40 trở lên và 20-29 chiếm tỷ lệ lần lượt là 31,5% và 29,6%.

Kỹ năng khai thác thông tin là bước đầu tiên trong tiến trình thực hành nghề nghiệp của NBT. Chất lượng thông tin thu thập từ NBT sẽ quyết định tính phù hợp, chính xác của giải pháp điều trị và nội dung tư vấn được đưa ra. Tuy nhiên theo kết quả khảo sát, NBT trên tiếp xúc khách hàng đã không đưa ra được đầy đủ những câu hỏi cần thiết để có thể làm rõ tình trạng, đặc điểm đối tượng người dùng. Trong số 108 NBT được khảo sát, đa số NBT đã khai thác thông tin về độ tuổi của trẻ (chiếm 96,3%), tương đồng với nghiên cứu của tác giả Annelies Driesen và cộng sự thực hiện tại Bỉ khi tỷ lệ này là 99% [4]. Trong khi đó, việc hỏi về cân nặng chỉ được 48 NBT thực hiện (chiếm 44,4%), tương

đồng với nghiên cứu của tác giả Phạm Đức Minh (2013) với 31,2% [6]. Sự hạn chế trong kỹ năng khai thác thông tin của NBT tiếp tục thể hiện khi chỉ 36,1% NBT hỏi về thời điểm trẻ bị tiêu chảy; 48,1% hỏi về tần suất bị tiêu chảy, kết quả này tương đồng với nghiên cứu tại Thái Lan (2010) với tỷ lệ 41,1% NBT hỏi về tần suất bị tiêu chảy [7]. Tỷ lệ NBT khai thác tính chất phân, tình trạng nôn ói là rất thấp, lần lượt 6,5% và 3,7%. Chỉ có 26 NBT hỏi về triệu chứng sốt của trẻ (chiếm 24,1%). Kết quả tương tự khi khai thác thông tin về tổng trạng và dấu hiện mất nước với tỷ lệ lần lượt chỉ 1,9% và 0%; tương đồng với nghiên cứu của tác giả Phạm Thị Thu Thủy (2018) với 2,3% nhân viên nhà thuốc khai thác dấu hiện mất nước [3]. Tỷ lệ NBT hỏi về tiền sử bệnh nhân là rất hạn chế, tất cả các nội dung khảo sát được khai thác không quá 3%.

Tỷ lệ NBT thực hiện các nội dung tư vấn về thuốc khá thấp: chỉ 8,3% NBT tư vấn lựa chọn thuốc; 4,6% tư vấn lựa chọn dạng bào chế phù hợp cho trẻ; không có NBT nào tư vấn về tác dụng phụ và tương tác thuốc. Việc không có NBT nào tư vấn về tương tác thuốc có thể là do có ít tương tác đáng chú ý trong trường hợp này. Sự thiếu đảm bảo trong chất lượng thông tin tư vấn của NBT còn được minh chứng qua những kết quả ở mức thấp liên quan đến việc NBT có cung cấp cho khách hàng những thông điệp “chủ chốt” trong điều trị hay không. Khi tư vấn về bệnh, bù nước và điện giải là vấn đề được quan tâm tư vấn nhiều nhất (chiếm 53,7%), tuy nhiên con số này vẫn là khá thấp so với mức độ quan trọng của thông tin này. Theo tác giả Phạm Thị Thu Thủy, đã có 2,3% NBT tư vấn cho trẻ đến khám bác sĩ khi cần, nghiên cứu của chúng tôi cho kết quả tương tự với 0,9% [3]. Các nội dung tư vấn còn lại gồm chế độ dinh dưỡng và biện pháp phòng bệnh được rất ít NBT thực hiện với tỷ lệ lần lượt là 5,6% và 0%; tương đồng với kết quả khảo sát của tác giả Phạm Đức Minh năm 2008 với tỷ lệ lần lượt là 9,2% và 1,4% [6].

Về kỹ năng hướng dẫn cho khách hàng, liều dùng trong một lần được NBT quan tâm nhiều nhất với 79,6% thực hiện; tiếp đến là số ngày dùng thuốc với 70,4%; số lần dùng thuốc trong ngày và thời điểm dùng thuốc chiếm tỷ lệ lần lượt là 44,4% và 43,5%. Có 1 NBT (0,9%) thực hiện kiểm tra mức độ ghi nhớ của người mua; trong khi đó, đây là bước quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động tư vấn, hướng dẫn của NBT. Việc không đánh giá được mức độ ghi nhớ của khách hàng cùng với thực trạng một số NBT đã không tư vấn, hướng dẫn đầy đủ các thông tin cần thiết cho người mua dẫn đến tiềm ẩn nguy cơ sử dụng thuốc không hợp lý cho trẻ. Theo kết quả Bảng 8, NBT nữ có tổng điểm cả 3 kỹ năng cao hơn so với NBT nam và sự khác biệt này được xác định có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Từ những thực trạng trên, các trường đại học, cao đẳng chuyên ngành Dược cần chú trọng hơn trong công tác đào tạo, cụ thể là việc hoàn thiện kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên, đảm bảo chuẩn đầu ra phù hợp. Bên cạnh đó, các nhà quản lý cần có những biện pháp cần thiết nhằm cải thiện kiến thức, thái độ trong việc thực hiện các kỹ năng thực hành của NBT.

V. KẾT LUẬN

Người bán thuốc chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các tài liệu chuyên môn trong việc thực hiện các kỹ năng khai thác thông tin, tư vấn và hướng dẫn. Sự hạn chế được thể hiện trong việc khai thác thông tin về bệnh, triệu chứng bệnh, tiền sử bệnh nhân; tư vấn về thuốc và các vấn đề liên quan đến bệnh cũng như kiểm tra sự ghi nhớ của người mua thuốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Minh Cường (2019), *Đánh giá chất lượng hành nghề dược của các nhà thuốc trên địa bàn thành phố Cần Thơ*, Luận án Tiến sĩ Dược học, Trường Đại học Dược Hà Nội.
 2. Huỳnh Nguyễn Phương Quang, Lê Hoàng Hải (2021), "Mối liên quan giữa bệnh truyền nhiễm và sự biến đổi khí hậu tại thành phố Cần Thơ giai đoạn 2014-2018", *Tạp chí Y học Dự phòng*, 30(4), tr. 38-44.
 3. Phạm Thị Thu Thủy, Nguyễn Lâm Vương (2018), "Kiến thức và thực hành bán thuốc điều trị tiêu chảy trẻ em của nhân viên nhà thuốc tư nhân tại thị trấn Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai", *Nghiên cứu Y học*, 22(1), tr. 306-313.
 4. Annelies Driesen, Yvan Vandendplas (2009), "How do pharmacists manage acute diarrhoea in an 8-month-old baby? A simulated client study", *International Journal of Pharmacy Practice*, 17, pp. 215-220.
 5. Getnet Mengistu, Kassahun Gietnet, Firehiwot Amare, Mekonnen Sisay, Bisrat Hagos, Desye Misganaw (2019), "Self-Reported and Actual Involvement of Community Pharmacy Professionals in the Management of Childhood Diarrhea: A Cross-Sectional and Simulated Patient Study at two Towns of Eastern Ethiopia", *Clinical Medicine Insights: Pediatrics*, 13, pp. 1-6.
 6. Pham DM, Byrkit M, Pham HV, Pham T, Nguyen CT (2013), "Improving Pharmacy Staff Knowledge and Practice on Childhood Diarrhea Management in Vietnam: Are Educational Interventions Effective?", *PLoS ONE*, 8(10), pp. e74882.
 7. Woranuch Saengcharoen, Sanguan Lerkiatbundit (2010), "Practice and attitudes regarding the management of childhood diarrhoea among pharmacies in Thailand", *International Journal of Pharmacy Practice*, 18(6), pp. 323-331.
 8. World Health Organization (2021), *Acute watery diarrhoea and cholera*.
(Ngày nhận bài 12/7/2022 ngày duyệt đăng 09/09/2022)
-